TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-12-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Mỹ Lil

Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Cẩm Hường – Thư ký viên, Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 376/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 425/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị M, sinh ngày 01/01/1983, đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Số CCCD 096183011478, cấp ngày 30/11/2022.

Địa chỉ cư trú ấp C, xã K, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn P, sinh năm 1978, vắng mặt, địa chỉ cư trú ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân:

Nguyên đơn và anh Bùi Văn P xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2002, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc.

Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung:

Vợ chồng có 01 người con chung tên Bùi Bé H, sinh ngày 20/01/2004, giới tính: Nữ.

Hiện cháu H đã trưởng thành, nên không có yêu cầu Toà án giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Toà án giải quyết.

Nay, nguyên đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

- Đối với bị đơn anh Bùi Văn P: Từ khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên toà, chị M vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, còn anh P vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Tại phiên toà:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Bùi Văn P đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt.

Căn cứ các điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần xét xử các đương sự nêu trên, là phù hợp.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn là anh Bùi Văn P có nơi cư trú tại ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị M xác định, chị và anh P sống chung như vợ chồng từ năm 2002, đến nay không có đăng ký kết hôn. Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn với anh P.

Đối với anh P vắng mặt, nên không có cơ sở xem xét.

Tuy nhiên, chị M và anh P chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đã vi phạm về hình thức.

Căn cứ các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mơ, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh P là vợ chồng.

[2.2] Về con chung:

Chị M xác định, chị và anh P có 01 người con chung tên Bùi Bé H, sinh ngày 20/01/2004, giới tính: Nữ.

Hiện cháu Bùi Bé H đã trưởng thành, nên chị M không có yêu cầu Toà án giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng, là có cơ sở.

Đối với anh P vắng mặt, nên không có cơ sở xem xét.

[2.3] Về tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, nên chị M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 14, 15, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

1. Về hôn nhân: Không công nhận giữa chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Văn P là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng chị M dự nộp tại Biên lai thu số 0003679 ngày 31/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2b);
- Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau (01b);
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang